TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2024/DS-ST
Ngày: 24-6-2024
V/v tranh chấp về hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn L2.
2. Ông Lý Quốc Tr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Q – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hụi"* theo quyếtđưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Khánh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1970 và ông Lý Văn V, sinh năm 1963; Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L.

Bà H *có mặt. Bà* T*, ông* V *vắng mặt không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, bà Nguyễn Khánh H *trình bày:*

Bà Nguyễn Khánh H và vợ chồng bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V là quan hệ họ hàng nên có sự tin tưởng. Khi vợ chồng bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V làm chủ hụi, bà H có tham gia dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 15 phần, 6 tháng khui một lần, mở vào ngày 10/2/2020 (âm lịch), bà H tham gia 02 phần, bà H đã đóng hụi được 10 lần thì vợ chồng bà T ông V tuyên bố bể hụi. Nay bà H khởi

kiện yêu cầu vợ chồng bà T ông V trả lại ông H số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, bà H không yêu cầu tính lãi.

Trong biên bản làm việc, bà Trần Thị Kim T *trình bày:*

Bà Trần Thị Kim T thừa nhận có tổ chức hụi và bà H tham gia hụi là đúng. Số tiền thu nhập từ tổ chức hụi này dùng để lo cuộc sống, sinh hoạt chung trong gia đình. Do hụi vỡ (bể), hoàn cảnh khó khăn nên bà T yêu cầu trả gốc, bà T xin trả dần nhiều lần và đồng ý trả mà không yêu cầu ông V liên đới trả.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông V không đến Tòa án, không có thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện là xem xét giải quyết khi hụi vỡ (bể) theo quy định pháp luật. Bà H xác nhận không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bà Hội đồng ý công khai bản án trên Cổngthông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"tranh chấp về hụi"*. Bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V cư trú tại ấp B, xã B, huyện M, tỉnh L. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông V.

[3]. Về áp dụng quy định pháp luật để giải quyết: Dây hụi được tổ chức vào ngày 10/02/2019 âm lịch (nhằm ngày 15/3/2019) thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường để giải quyết.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[4.1]. Bà Nguyễn Khánh H khởi kiện và đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 biên bản thành lập tổ trợ vốn sản xuất và 01 danh sách hụi viên gồm 15 người, trong đó bà H tham gia bằng tên thường gọi là Vĩnh L. Bà T thừa nhận có tổ chức dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 15 phần, 6 tháng khui một lần, mở vào ngày 10/2/2019 (âm lịch), bà H tham gia 02 phần, bà H đã đóng hụi được 11 lần cho phần hụi thứ nhất và 09 lần cho phần hụi thứ hai. Bà T thừa nhận đến nay thì hụi đã bể (vỡ). Ông V vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ và cũng không thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà H. Do đó, căn

cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ bà H cung cấp và lời thừa nhận của bà T.

[4.2]. Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Khánh H yêu cầu bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V trả tiền hụi theo giá hụi đã mãn là 10.000.000 đồng/01 phần và không tính lãi. Sau khi được giải thích quy định pháp luật về việc xử lý khi hụi bể (vỡ), bà H đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Để giải quyết dứt điểm và toàn diện vụ việc, tránh kéo dài thời gian giải quyết và đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự nên chấp nhận đây là sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà H.

[4.3]. Số tiền gốc bà Nguyễn Khánh H đã đóng hụi 11 lần cho phần hụi thứ nhất, tổng số tiền là 62.700.000 đồng. Số tiền gốc bà Nguyễn Khánh H đã đóng hụi 09 lần cho phần hụi thứ hai, tổng số tiền là 55.800.000 đồng.

[4.4]. Số tiền lãi được tính như sau:

+ 7.000.000 đồng x 2 phần x 63 tháng 09 ngày (15/3/2019-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 7.355.460 đồng.

+ 6.200.000 đồng x 2 phần x 57 tháng 16 ngày (08/9/2019-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 5.921.330 đồng.

+ 6.800.000 đồng x 2 phần x 51 tháng 21 ngày (03/3/2020-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 5.835.896 đồng.

+ 6.300.000 đồng x 2 phần x 44 tháng 28 ngày (26/9/2020-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 4.699.128 đồng.

+ 5.900.000 đồng x 2 phần x 39 tháng 02 ngày (22/3/2021-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 3.826.189 đồng.

+ 6.500.000 đồng x 2 phần x 33 tháng 08 ngày (16/9/2021-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 3.589.473 đồng.

+ 6.100.000 đồng x 2 phần x 27 tháng 12 ngày (12/3/2022-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 2.774.524 đồng.

+ 5.600.000 đồng x 2 phần x 21 tháng 15 ngày (05/9/2022-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 1.998.640 đồng.

+ 5.400.000 đồng x 2 phần x 15 tháng 23 ngày (01/3/2023-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 1.413.324 đồng.

+ 3.900.000 đồng x 1 phần x 09 tháng (24/9/2023-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 291.330 đồng.

+ 3.000.000 đồng x 1 phần x 03 tháng 05 ngày (19/3/2024-24/6/2024) x 0,83%/tháng = 78.850 đồng.

Tổng cộng tiền lãi tính tròn là 37.784.000 đồng

[4.5]. Thời điểm bà T làm chủ hụi, bà T và ông V là vợ chồng đang chung sống; bà T thừa nhận tổ chức hụi để phục vụ cho kinh tế, sinh hoạt gia đình. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 288, 471 Bộ luật dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H đối với bà T và ông V, buộc bà T và ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền gốc đã đóng hụi là 118.500.000 đồng và tiền lãi 37.784.000 đồng.

[4.6]. Về thời hạn trả: Bà H yêu cầu trả một lần, bà T xin được trả dần, ông V vắng mặt không có ý kiến. Các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền cơ quan thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét.

[5]. *Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:* Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Khánh H không phải chịu án phí. Bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 288, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Khánh H đối với bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V. Buộc bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V liên đới trả cho bà Nguyễn Khánh H số tiền nợ hụi 156.284.000 (một trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T và ông Lý Văn V phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm tính tròn là 7.814.000 (bảy triệu tám trăm mười bốn ngàn) đồng. Bà Nguyễn Khánh H không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng theo biên lai số 0002856 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh L.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh L;*
- *VKSND tỉnh L;*
- *VKSND huyện M;*
- *CC.THADS huyện M;*
- *Lưu hồ sơ, án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1